

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP THẾ VINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP THẾ VINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THE VINH GENERAL TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109901122

**3. Ngày thành lập:** 28/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 20 ngách 470/59 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 058 2262 068

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng lúa                                                                                                                                    | 0111        |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                                                                      | 0112        |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                                                                 | 0113        |
| 4.  | Trồng cây mía                                                                                                                                | 0114        |
| 5.  | Trồng cây thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                | 0115        |
| 6.  | Trồng cây lấy sợi                                                                                                                            | 0116        |
| 7.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                                                                                                                    | 0117        |
| 8.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                         | 0118        |
| 9.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                      | 0119        |
| 10. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                             | 0121        |
| 11. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                   | 0122        |
| 12. | Trồng cây điều                                                                                                                               | 0123        |
| 13. | Trồng cây hồ tiêu                                                                                                                            | 0124        |
| 14. | Trồng cây cao su                                                                                                                             | 0125        |
| 15. | Trồng cây cà phê                                                                                                                             | 0126        |
| 16. | Trồng cây chè                                                                                                                                | 0127        |
| 17. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                      | 0128        |
| 18. | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                       | 0129        |
| 19. | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                                                                | 0141        |
| 20. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa                                                                                          | 0142        |
| 21. | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai                                                                                       | 0144        |
| 22. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                                                                          | 0145        |
| 23. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                            | 0146        |
| 24. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                | 0150        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                 | 0161        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                  | 0162        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                              | 0163        |
| 28. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                | 0164        |
| 29. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                                                                        | 0210        |
| 30. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                 | 0240        |
| 31. | Khai thác thủy sản biển                                                                                                                      | 0311        |
| 32. | Khai thác thủy sản nội địa                                                                                                                   | 0312        |
| 33. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                     | 0321        |
| 34. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                  | 0322        |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa (Luật thương mại 2005). | 8299(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: Giới tính:  
Sinh ngày: Dân tộc: Quốc tịch:  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:  
Ngày cấp: Nơi cấp:  
Địa chỉ thường trú:  
Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VŨ THỊ HỒNG NHUNG** Giới tính: *Nữ*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *22/10/1990* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *017190002132*  
Ngày cấp: *11/04/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.*  
Địa chỉ thường trú: *số 20 ngách 470/59 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *số 20 ngách 470/59 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội